

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HS-ST
Ngày: 28-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Ngọc Ứng;
2. Ông Nguyễn Trần Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2021/TLST-HS, ngày 06 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Phan Bảo Th, sinh năm: 1984, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm A, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn O, sinh năm 1958 và bà Lê Thị M, sinh năm 1958; Anh, chị, em: 05 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1986; Con: 02 người, người con lớn 11 tuổi và người con nhỏ 09 tuổi. Tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Ngày 23/8/2019, bị Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra là: Tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, chứng từ trong việc sử dụng đất dẫn đến việc thế chấp quyền sử dụng đất bị sai lệch mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh tại khóm A, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Bà Trình Thị B, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Anh Trình Văn Q, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Chị Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Khóm A, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5/ Anh Lê Hữu T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Khóm A, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

6/ Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: ấp BH, xã BT, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

7/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm AL, phường AL thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

8/ Anh Lê Văn D, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH (vắng mặt).

9/ Ông Đặng Văn N – Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

10/ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H

Đại diện: Bà Phan Thị Nh – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

11/ Chị Trương Ngọc T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Khóm ATA, phường AL, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Ông Trình Văn Q, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Nơi cư trú ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2015, Phan Bảo Th là cán bộ địa chính xã TH, thị xã H (nay là thành phố H) được phân công thông báo, hướng dẫn các hộ dân nằm trong danh sách được giao đất nhưng không thông qua thủ tục đấu giá và cho phép nợ tiền sử dụng đất tại Tuyến dân cư Bờ Nam kênh CC thuộc xã TH, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp để làm thủ tục, hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do biết hộ ông Trình Văn Q nằm trong diện được giao đất và bà Trình Thị B là cô ruột ông Q có nhu cầu mua đất nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản để trả nợ tiền vay Ngân hàng. Sau đó, Th trực tiếp liên hệ gặp bà B, dùng lời nói gian dối là đã mua được đất nên yêu cầu đưa tiền mua đất và đóng thuế làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Đồng thời, trao đổi với bà B lấy tên ông Q đứng thay trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà B tưởng thật nên đồng ý giao tiền cho Th 02 (hai) lần, cụ thể là ngày 09/4/2015 bà B trực tiếp giao cho Th số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và đến ngày 24/5/2015 bà B tiếp tục chuyển tiền cho chị dâu tên Trần Thị Đ (mẹ ruột Q) đưa cho Th số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), việc giao, nhận tiền có làm biên nhận do Th viết và ký nhận. Sau khi nhận tiền, Th không làm ngay thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã hứa mà sử dụng số tiền trên trả tiền vay Ngân hàng.

Đến ngày 31/12/2015, Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, ban hành Quyết định số: 820, về việc giao đất không thông qua đấu giá và cho phép nợ tiền sử dụng đất tại Tuyến dân cư Bờ nam kênh CC thuộc xã TH, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp cho hộ ông Trình Văn Q do biết được chủ trương này và để tạo sự tin tưởng của gia đình anh Q, thì Th tiến hành làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Q, nhưng không đóng tiền thuế sử dụng đất (45.000.000 đồng), mà chỉ đóng thuế trước bạ 232.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai nghìn đồng). Đến ngày 29/12/2016, hộ ông Q được Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H), cấp giấy chứng nhận số bìa: CĐ308781, số vào sổ: CH01689, nội dung trong giấy ghi chú thích nợ tiền sử dụng đất 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) theo Thông báo số 20, ngày 08/9/2016 của Chi cục Thuế thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, rồi nhờ bà Nguyễn Thị L (bà con của Q) chuyển giao giấy chứng nhận cho bà Trần Thị Đ.

Khoảng thời gian đầu tháng 12/2017, gia đình ông Q phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn ghi chú nợ tiền sử dụng đất 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) nên Th yêu cầu gia đình đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trên để làm thủ tục cấp đổi lại và sẽ không còn nợ tiền sử dụng đất. Sau khi nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, Th mang về nơi làm việc tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã TH, dùng dao lam cạo hai dòng chữ dưới mục ghi chú trong giấy chứng nhận “Nợ tiền sử dụng đất 45 triệu đồng theo Thông báo số: 20, ngày 08/9/2016 của Chi cục Thuế thị xã H”, dùng rum tẩy xóa hai dòng chữ trên, rồi làm lại thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận và nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), được bà Đỗ Thị P và ông Lê Hữu T là Cán bộ thẩm định hồ sơ của Văn phòng tiếp nhận, qua thẩm định nghi ngờ Giấy chứng nhận bị tẩy xóa nên Th tự đánh máy, soạn thảo làm giả Quyết định số: 203/QĐ-UBND.NĐ, ngày 05/12/2016, về việc Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất nền nhà Tuyển dân cư Bờ Nam kênh CC, xã TH cho hộ Trình Văn Q (Ủy ban nhân dân thị xã H không ban hành Quyết định này), rồi cắt dán, in ấn, photocopy chữ ký của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H (Ông Đặng Văn N) và con dấu của Ủy ban nhân dân thị xã H, nhằm qua mặt Ủy ban nhân dân xã TH để được ký chứng thực.

Sau khi chứng thực xong các tài liệu trên, Th mang nộp bổ sung, qua thẩm định duyệt hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H) đã tham mưu cho Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa: CI423625, số vào sổ: CS02006 cho hộ ông Trình Văn Q vào ngày 27/12/2017 với nội dung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không còn ghi chú nợ tiền sử dụng đất, nhưng thực tế Th chưa nộp tiền thuế cho Chi cục Thuế thị xã H (nay là thành phố H).

Đến ngày 29/9/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, nhận được Thông báo của Chi cục Thuế (Thông báo số 20, ngày 08/9/2016) về việc hộ ông Trình Văn Q chưa nộp tiền thuế nên tiến hành kiểm tra hồ sơ thẩm định cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa: CD308781, số vào sổ: CH01689, ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã cấp cho hộ ông Q, có dấu hiệu bị cạo sửa, tẩy xóa, làm sai lệch nội dung và Bản sao chứng thực Quyết định số 203/QĐ-UBND.NĐ, ngày 05/12/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã H có dấu hiệu làm giả và hộ ông Q chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính đóng nợ tiền thuế sử dụng đất 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), nên đã thông báo cho gia đình ông Q và thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa: CI423625, số vào sổ: CS02006, ngày 27/12/2017 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Tháp đã cấp cho hộ ông Q.

Sau khi vụ việc bị phát hiện, Th thừa nhận với bà Đ chưa đóng tiền thuế sử dụng đất, hứa sẽ khắc phục. Đến ngày 08/10/2020, Th nói toàn bộ sự việc cho vợ tên Đỗ Thị Hải Y biết nên bà Y cùng gia đình ông Q đi nộp tiền thuế sử dụng đất và ngày 13/10/2020 hộ ông Trình Văn Q được Sở Tài nguyên Môi trường

tỉnh Đồng Tháp, cấp đổi lại Giấy chứng nhận theo đúng trình tự, thủ tục quy định pháp luật.

Qua kiểm tra, xét thấy hành vi vi phạm của Phan Bảo Th có dấu hiệu cấu thành tội phạm hình sự nên ngày 07/01/2021 Ủy ban nhân dân thành phố H chuyển hồ sơ kiến nghị khởi tố đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H điều tra làm rõ theo thẩm quyền.

* Các vật chứng, đã thu giữ:

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Quyết định số: 203/QĐ-UBND.NĐ, ngày 05/12/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất nền nhà tuyển dân cư Bờ Nam kênh CC, xã TH, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, của hộ ông Trình Văn Q, có số chứng thực 942, ngày 27/12/2017 của Ủy ban nhân dân xã TH, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp (đã được niêm phong theo quy định);

- 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH01689, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 9, diện tích 90,0m², hình thức sử dụng: sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, ghi chú: không, cấp ngày 29/12/2016 cho hộ ông: Trình Văn Q, sinh năm: 1970, ngụ: ấp THT, xã TH, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Số bìa giấy chứng nhận số: CĐ308781 (đã được niêm phong theo quy định);

- 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS02006, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 9, diện tích 90,0m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, ghi chú: không, cấp ngày 27/12/2017 cho hộ ông: Trình Văn Q, sinh năm: 1970, ngụ: ấp THT, xã TH, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Số bìa giấy chứng nhận số: CI423625;

- 06 (Sáu) Thông báo về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, mộc tròn của đơn vị;

- 01 (Một) Thông báo về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, số: 3681, ngày 27/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Phó Giám đốc Phan Thị Nh, mộc tròn của đơn vị;

- 03 (Ba) Giấy trích lục bản đồ địa chính số: 4879, ngày 09/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị;

- 01 (Một) Giấy trích lục bản đồ địa chính số: 6532, ngày 21/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Phó Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị;

- 01 (Một) Biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót, lập ngày 29/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

- 01 (Một) Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước, số: 3475989, ngày 08/10/2020 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch H, có chữ ký của kế toán trưởng tên Võ Quang Tr, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

- 01 (Một) Thông báo về việc xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính về thu tiền sử dụng đất, số: 84, ngày 08/10/2020 của Chi cục Thuế Khu vực 3 thuộc Cục Thuế Đồng Tháp, có chữ ký của Phó trưởng Cơ quan thuế Võ Thành C, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

- 01 (Một) Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ngày 07/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

- 01 (Một) Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số: 4646, ngày 22/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Phó Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

- 01 (Một) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, ngày 07/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

- 01 (Một) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, số: 4838, ngày 28/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

- 01 (Một) giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, số: 5130, ngày 07/10/2020 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp.

- 01 (Một) Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, số: 4838, ngày 28/9/2020 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp.

- 01 (Một) Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, số: 00487, ngày 20/12/2017 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp.

- 01 (Một) Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, ngày 28/9/2020 của TT kiểm soát TTHC và phục vụ HCC.

- 01 (Một) bản phô tô phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, số: 1546, ngày 05/9/2016 của Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, có chữ ký của Phó giám đốc Nguyễn Văn H, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

- 01 (Một) bản phô tô Thông báo nộp tiền sử dụng đất, số: 20, ngày 08/9/2016 của Chi cục thuế thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Phó trưởng Cơ quan thuế Nguyễn Thanh T, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

- 01 (Một) bản phô tô Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất, số: 948, ngày 08/9/2016 của Chi cục thuế thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Phó trưởng Cơ quan thuế Nguyễn Thanh T, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

- 01 (Một) Bản phô tô tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, ngày 10/8/2016 của ông Trình Văn Q.

- 01 (Một) Bản phô tô tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất, ngày 10/8/2016 của ông Trình Văn Q.

- 01 (Một) Bản phô tô giấy nộp vào Ngân sách nhà nước, số: 948, ngày 21/12/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, có chữ ký của kế toán Nguyễn Thị Kim L, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

- 01 (Một) Bản phô tô Quyết định về việc giao đất không thông qua đấu giá và cho phép ghi nợ tiền sử dụng đất tại Tuyến dân cư Bờ nam kênh CC, xã TH, số: 820, ngày 31/12/2015 của UBND thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, có chữ ký của Phó chủ tịch Phạm Tấn Đ, đóng dấu tròn của đơn vị.

Tại Kết luận giám định số 114/KL-KTHS, ngày 02/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, đã kết luận như sau:

“1. Ngay vị trí chữ **“Không”** ở mục **“6. Ghi chú: Không”** phần II, trên tài liệu cần giám định ký hiệu A có dấu vết tẩy xóa, nội dung trước khi tẩy xóa xác định là chữ **“Không”**; chữ **“Không”** là chữ in thêm.

2. Ngay bên dưới mục **“6. Ghi chú: Không”** trên tài liệu cần giám định ký hiệu A có hai dòng chữ có dấu vết tẩy xóa, nội dung trước khi tẩy xóa còn xác định được là: “... Quyền sử dụng đất số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng chẵn) ...30/TB...CT ngày .../2016 của Chi cục thuế thị xã H.”.

Kèm theo kết luận giám định: Không”.

Tại Kết luận giám định số 553/KL-KTHS, ngày 02/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, đã kết luận như sau:

“1. Chữ ký mang tên Lê Văn D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của ông Lê Văn D trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu màu đỏ trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một con dấu đóng ra.

3. Không tiến hành giám định chữ ký mang tên Đặng Văn N và hình dấu trên tài liệu cần giám định ký hiệu A do chữ ký và hình dấu qua photocopy.

Kèm theo kết luận giám định: Không”.

Việc xử lý vật chứng vụ án của Cơ quan điều tra:

Sau khi thụ lý vụ án, xác định các vật chứng đã thu giữ nêu trên là tài liệu có liên quan đến vụ án nên lưu giữ tại hồ sơ theo quy định nhằm phục vụ cho công tác điều tra, truy tố và xét xử.

Về trách nhiệm dân sự:

Hậu quả đã được khắc phục, bị hại trong vụ án đã tự nguyện không yêu cầu bị cáo Th bồi thường các khoản thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKSTPHN, ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Phan Bảo Th về các tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; *“Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”* quy định tại khoản 1 Điều 340 Bộ luật Hình sự và *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Phan Bảo Th đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; *“Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”* quy định tại khoản 1 Điều 340 Bộ luật Hình sự và *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phan Bảo Th về các

tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Bảo Th từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 340, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Bảo Th từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Bảo Th và từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Về trách nhiệm dân sự: Hậu quả đã được khắc phục, bị hại trong vụ án đã tự nguyện không yêu cầu bị cáo Th bồi thường các khoản thiệt hại. Đây là sự tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Việc lưu giữ các vật chứng là tài liệu có liên quan tại hồ sơ vụ án nhằm phục vụ cho công tác xét xử là cần thiết và đúng quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Bảo Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Phan Bảo Th thống nhất với nội dung luận tội của Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan và những người tiến hành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Bảo Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật hình sự. Bị cáo lợi dụng danh nghĩa là cán bộ địa chính xã, biết được các chế độ, chính sách của Nhà nước về giải tỏa, đền bù, tái định cư đất nền nhà cho người dân, biết hộ ông Trình Văn Q nằm trong diện được giao đất và bà Trình

Thị B là cô ruột ông Q có nhu cầu mua đất nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà B để trả nợ tiền vay Ngân hàng. Sau đó, Th trực tiếp liên hệ gặp bà B, dùng lời nói gian dối là đã mua được đất nên yêu cầu đưa tiền mua đất và đóng thuế làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 45.000.000 đồng, bị hại tưởng thật, tin tưởng giao tiền cho Th để Th chiếm đoạt sử dụng trả nợ vay Ngân hàng. Sau đó, do nghi ngờ bị phát hiện, có ý định che giấu tội phạm nên Th tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội sửa chữa giấy chứng nhận và làm giả quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là Thành phố H) cấp đổi giấy chứng nhận cho bị hại không đúng quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất công khai, liều lĩnh, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm hại đến hoạt động đúng đắn, bình thường của Cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, giải quyết các chế độ chính sách về giải tỏa, đền bù, tái định cư. Ngoài ra, còn ảnh hưởng đến uy tín của Cơ quan Nhà nước đối với người dân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương.

[3] Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện bị cáo Phan Bảo Th không tìm được cách thức giải quyết khó khăn về kinh tế, vì cần tiền để trả nợ vay Ngân hàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Sau đó, bị cáo do sợ bị phát hiện nên tìm mọi cách để tẩy xóa trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân, làm giả văn bản của Ủy ban nhân dân thị xã H, làm cho cơ quan chức năng tin tưởng vào văn bản đó là thật để ký sao y, nhằm củng cố hồ sơ nộp cho cơ quan chuyên môn. Do đó, đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Phan Bảo Th đã phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; “*Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 340 Bộ luật Hình sự và “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm....;

Điều 340. Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức:

“1. Người nào sửa chữa, làm sai lệch nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch, các loại giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng giấy tờ đó thực hiện tội phạm hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm....”

Điều 341. Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) ...;

d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;...”.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Có hai tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát bổ sung tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hành vi Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức. **Tuy nhiên, đối với tình tiết người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ áp dụng đối với hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.** Ngoài ra, trong quá trình công tác tại Ủy ban nhân dân xã TH, bị cáo có nhiều thành tích đóng góp cho đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị tại địa phương và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi

phạm tội của bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Hậu quả đã được khắc phục, bị hại trong vụ án đã tự nguyện không yêu cầu bị cáo Th bồi thường các khoản thiệt hại. Tại phiên tòa không phát sinh gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án: Xét thấy các vật chứng là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Th, cần được lưu giữ tại hồ sơ vụ án nhằm phục vụ cho công tác xét xử. Do đó, tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ là phù hợp.

[8] Đối với những Công chức của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H như: bà Đỗ Thị P và ông Lê Hữu T là người trực tiếp tiếp nhận, thẩm định hồ sơ xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trình Văn Q (do Th trực tiếp nộp), qua điều tra bà P và ông T không biết các tài liệu xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Th cố ý làm sai lệch nhằm thực hiện hành vi phạm tội, không có căn cứ xác định đồng phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về trách nhiệm hình sự có liên quan trong vụ án và kiến nghị đến Cơ quan quản lý, xử lý trách nhiệm có liên quan là phù hợp nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Đối với bà Nguyễn Thị L: Quá trình điều tra, khi bà Nguyễn Thị L nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Q từ bị cáo Th và sau đó chuyển giao cho bị hại Trần Thị Đ thì bà L không biết Th đã thực hiện hành vi phạm tội để có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, không cùng thực hiện tội phạm với Th, không có căn cứ xác định đồng phạm nên không đề cập xử lý trách nhiệm có liên quan trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập.

[10] Đối với bà Đỗ Thị Hải Y (vợ của bị cáo Th) biết Th thực hiện hành vi phạm tội sau khi vụ việc bị Cơ quan có thẩm quyền phát hiện và hỗ trợ khắc phục hậu quả thiệt hại, không bàn bạc thực hiện hành vi phạm tội cùng với Th nên không xem xét xử lý đồng phạm có liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Phan Bảo Th phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Phan Bảo Th 01(một) năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 340; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Phan Bảo Th phạm tội “*Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Phan Bảo Th 08 (tám) tháng tù.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Phan Bảo Th phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Phan Bảo Th 02 (hai) năm tù.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phan Bảo Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là **03** (ba) năm **08** (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị chấp hành hình phạt tù.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án các vật chứng sau đây để phục vụ cho công tác xét xử:

+ 01 (Một) bản sao có chứng thực Quyết định số: 203/QĐ-UBND.NĐ, ngày 05/12/2016 của UBND thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất nền nhà tuyển dân cư Bờ Nam kênh CC, xã TH, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, của hộ ông Trình Văn Q, có số chứng thực 942, ngày 27/12/2017 của UBND xã TH, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp (đã được niêm phong theo quy định);

+ 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH01689, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 9, diện tích 90,0m², hình thức sử dụng: sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, ghi chú: không, cấp ngày 29/12/2016 cho

hộ ông: Trình Văn Q, sinh năm: 1970, ngụ: ấp THT, xã TH, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Số bìa giấy chứng nhận số: CĐ308781 (đã được niêm phong theo quy định);

+ 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS02006, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 9, diện tích 90,0m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, ghi chú: không, cấp ngày 27/12/2017 cho hộ ông: Trình Văn Q, sinh năm: 1970, ngụ: ấp THT, xã TH, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Số bìa giấy chứng nhận số: CI423625;

+ 06 (Sáu) Thông báo về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, mộc tròn của đơn vị;

+ 01 (Một) Thông báo về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, số: 3681, ngày 27/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Phó Giám đốc Phan Thị Nh, mộc tròn của đơn vị;

+ 03 (Ba) Giấy trích lục bản đồ địa chính số: 4879, ngày 09/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị;

+ 01 (Một) Giấy trích lục bản đồ địa chính số: 6532, ngày 21/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Phó Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị;

+ 01 (Một) Biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót, lập ngày 29/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

+ 01 (Một) Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước, số: 3475989, ngày 08/10/2020 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch H, có chữ ký của kế toán trưởng tên Võ Quang T, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

+ 01 (Một) Thông báo về việc xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính về thu tiền sử dụng đất, số: 84, ngày 08/10/2020 của Chi cục Thuế Khu vực 3 thuộc Cục Thuế Đồng Tháp, có chữ ký của Phó trưởng Cơ quan thuế Võ Thành C, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

+ 01 (Một) Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ngày 07/10/2020 của Chi

nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

+ 01 (Một) Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số: 4646, ngày 22/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Phó Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

+ 01 (Một) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, ngày 07/10/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

+ 01 (Một) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất, số: 4838, ngày 28/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Giám đốc Phan Thị Nh, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

+ 01 (Một) giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, số: 5130, ngày 07/10/2020 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp.

+ 01 (Một) Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, số: 4838, ngày 28/9/2020 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp.

+ 01 (Một) Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, số: 00487, ngày 20/12/2017 của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp.

+ 01 (Một) Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, ngày 28/9/2020 của TT kiểm soát TTHC và phục vụ HCC.

+ 01 (Một) bản phô tô phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, số: 1546, ngày 05/9/2016 của Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, có chữ ký của Phó giám đốc Nguyễn Văn H, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

+ 01 (Một) bản phô tô Thông báo nộp tiền sử dụng đất, số: 20, ngày 08/9/2016 của Chi cục thuế thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Có chữ ký của Phó trưởng Cơ quan thuế Nguyễn Thanh T, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

+ 01 (Một) bản phô tô Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất, số: 948, ngày 08/9/2016 của Chi cục thuế thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp.

Có chữ ký của Phó trưởng Cơ quan thuế Nguyễn Thanh T, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

+ 01 (Một) Bản phô tô tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, ngày 10/8/2016 của ông Trình Văn Q.

+ 01 (Một) Bản phô tô tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất, ngày 10/8/2016 của ông Trình Văn Q.

+ 01 (Một) Bản phô tô giấy nộp vào Ngân sách nhà nước, số: 948, ngày 21/12/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, có chữ ký của kế toán Nguyễn Thị Kim L, đóng dấu mộc tròn của đơn vị.

+ 01 (Một) Bản phô tô Quyết định về việc giao đất không thông qua đấu giá và cho phép ghi nợ tiền sử dụng đất tại Tuyến dân cư Bờ nam kênh CC, xã TH, số: 820, ngày 31/12/2015 của UBND thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, có chữ ký của Phó chủ tịch Phạm Tấn Đ, đóng dấu tròn của đơn vị.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Bảo Th phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2021). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. H;
- Nhà tạm giữ Công an TP. H;
- Cơ quan điều tra Công an TP. H;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thanh Tâm